

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 197/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 9 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Mai;
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tôn Hoài Anh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 359/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 1456/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Địa chỉ trụ sở: 2 C, phường D, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **Trần Ngô Phúc V** – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: (Theo Giấy ủy quyền số: 50/2024/UQ-NHNN-Đ.NAI ngày 28 tháng 02 năm 2024)

Anh **Nguyễn Văn M** – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Đ.

Anh **Nguyễn Minh D** – Chức vụ: Trưởng bộ phận khách hàng cá nhân Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Đ.

Cùng địa chỉ liên hệ: 298 Võ Thị S, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:*

1. Chị **Nguyễn Thị Ngọc O**, sinh năm: 1990.

2. Anh **Trần Chí T**, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: 1, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Hoàng Hữu T1**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 1, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(tất cả các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc O có vay vốn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh Đ, chi tiết như sau: Hợp đồng tín dụng số: 0855/2020/706-CV ký ngày 16 tháng 12 năm 2020, Hợp đồng thỏa thuận bổ sung hợp đồng tín dụng số: 01/SĐ-0855/2020/706-CV ký ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Hợp đồng thỏa thuận bổ sung hợp đồng tín dụng số: 02/SD.0855/2020/706-CV ký ngày 14 tháng 4 năm 2022, số tiền vay 4.900.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm triệu đồng); Và được cấp vốn vay trên hình thức phát hành thẻ tín dụng tiêu dùng theo Hợp đồng sử dụng thẻ số 0033/2021/706-CV ngày 12 tháng 01 năm 2021, số tiền 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng).

Để đảm bảo các khoản vay trên, anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc O đã thế chấp 01 tài sản và ký kết công chứng hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 0341/2020/706-BĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2020.

- Toàn bộ hiện trạng trên đất và lô đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 20, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 078820, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00289, do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005, cập nhật chủ

sở hữu ngày 15 tháng 12 năm 2020 cho anh Trần Chí T, sinh năm: 1983 và chị Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm: 1990).

Từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay, anh T, chị O bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản nợ bị quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhưng anh T, chị O không hợp tác trong việc xử lý khoản nợ. Hiện anh T, chị O mới chỉ trả cho Ngân hàng số tiền 1.200.566.790 đồng tiền lãi.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa:

1. Buộc anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc O trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27 tháng 9 năm 2024 là **6.459.059.815 đồng** (sáu tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn tám trăm mười lăm đồng), trong đó:

- + Số tiền gốc: 4.899.966.600 đồng.
- + Lãi trong hạn: 209.248.220 đồng.
- + Lãi quá hạn vốn: 1.192.267.608 đồng.
- + Tiền thế tín dụng: 157.577.387 đồng.

Và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2024 cho đến ngày anh T và chị O thanh toán đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

2. Trường hợp anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc O không thanh toán hoặc không thanh toán hết khoản nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 20, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 078820, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00289, do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005, cập nhật chủ sở hữu ngày 15 tháng 12 năm 2020 cho ông Trần Chí T, sinh năm: 1983 và bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm: 1990), theo Hợp đồng thế chấp số 0341/2020/706-BĐ ký ngày 16 tháng 12 năm 2020 để thu hồi khoản nợ.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm, tài sản khác không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc O vẫn phải có nghĩa vụ trả trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Đối với việc thuê nhà xưởng giữa anh Hoàng Hữu T1 với anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc O, các bên tự giải quyết với nhau, không liên quan đến Ngân hàng nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản làm việc, bị đơn anh Trần Chí T trình bày:

Anh T thống nhất với toàn bộ nội dung của phía nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N trình bày trong Đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0855/2020/706-CV ngày 16 tháng 12 năm 2020, Hợp đồng thế chấp tài sản số 0341/2020/706-BĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020. Anh T đưa ra phương án hòa giải giữa các bên như sau:

Anh T đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc theo Hợp đồng tín dụng số 0855/2020/706-CV ngày 16 tháng 12 năm 2020 là 4.900.000.000 đồng và tiền lãi trong hợp đồng tín dụng 400.000.000 đồng, tổng là 5.300.000.000 đồng; và đồng ý trả số tiền vay của thẻ tín dụng là 137.000.000 đồng; Tổng số tiền trả cho 02 khoản vay là 5.437.000.000 đồng. Còn lại số tiền lãi 483.000.000 đồng thì đề nghị phía Ngân hàng xem xét giảm cho vợ chồng anh T, chị O.

Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập; Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc bổ sung tư cách tố tụng trong vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự trong vụ án nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Hữu T1 vắng mặt và không có lời khai.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật; có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Về án phí và chi phí tố tụng, bị đơn anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc O phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Chí T, chị Nguyễn Thị Ngọc O, cùng địa chỉ: 1, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, trả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 4, 7 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N được xác định là nguyên đơn, anh Trần Chí T, chị Nguyễn Thị Ngọc O được xác định là bị đơn, anh Hoàng Hữu T1 là người đang thuê tài sản thế chấp là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Chí T, chị Nguyễn Thị Ngọc O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Hữu T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc và lãi:

Theo các tài liệu, chứng cứ do trong hồ sơ thể hiện: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N và anh Trần Chí T, chị Nguyễn Thị Ngọc O đã ký kết các hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 0855/2020/706-CV ngày 16 tháng 12 năm 2020, Hợp đồng thỏa thuận bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/SĐ-0855/2020/706-CV ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Hợp đồng thỏa thuận bổ sung hợp đồng tín dụng

số 02/SD.0855/2020/706-CV ngày 14 tháng 4 năm 2022 để vay số tiền: 4.900.000.000 đồng. Ngân hàng đã thực hiện giải ngân cho chị O, anh T với số tiền 4.900.000.000 đồng đúng như hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 0033/2021/706-CV ngày 12 tháng 01 năm 2021 với hạn mức được cấp là 100.000.000 đồng. Lãi suất, phí: Theo Bản và Điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc O đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng đã ký dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã nhiều lần đôn đốc và có văn bản nhắc nhở, thông báo yêu cầu chị O, anh T có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng chị O, anh T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn đối với các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho Ngân hàng. Do chị O, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần N yêu cầu chị O, anh T phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 27 tháng 9 năm 2024 là 6.459.059.815đ (sáu tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn tám trăm mười lăm đồng) (trong đó: Số tiền gốc: 4.899.966.600 đồng; Lãi trong hạn: 209.248.220 đồng; Lãi quá hạn vốn: 1.192.267.608 đồng; Tiền thẻ tín dụng: 157.577.387 đồng) là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho các khoản vay tại các hợp đồng tín dụng nêu trên, anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc O đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Hợp đồng thế chấp số 0341/2020/706-BĐ ký ngày 16 tháng 12 năm 2020 để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 20, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 078820, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00289, do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005, cập nhật biên động ngày 15 tháng 12 năm 2020 cho anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc O, được Công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 20, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thể hiện trên phần đất này có 01 nhà xưởng xây dựng hết đất ngang khoảng 8,75m, dài khoảng 51m và mái tol cao từ 8 đến 10m, các đương sự xác định không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp. Hiện nay, phần đất này bị đơn đã cho anh Hoàng Hữu

T1 thuê để kinh doanh bao bì carton. Anh T1 trình bày anh thuê của bị đơn vào ngày 01 tháng 12 năm 2020, thời hạn thuê 03 năm gia hạn 01 lần. Tuy nhiên, anh T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án đối với nội dung nêu trên, mặc dù Tòa án có văn bản yêu cầu anh T1 cung cấp để Tòa án xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa anh Hoàng Hữu T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1 nhưng anh T1 không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không có đơn yêu cầu độc lập đối với bị đơn. Do đó, đối với hợp đồng thuê nhà xưởng của anh T1 với bị đơn sẽ không đặt ra xem xét trong vụ án án này mà tách ra thành một vụ kiện khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Chí T cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần N theo như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên, anh T đề nghị phía Ngân hàng xem xét giảm lãi cho vợ chồng anh T số tiền lãi 483.000.000 đồng nhưng Ngân hàng không đồng ý nên không có cơ sở để xem xét đối với yêu cầu này. Vì vậy, nếu bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc O và anh Trần Chí T không trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N hoặc trả không đầy đủ thì phải chịu biện pháp cưỡng chế phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Trần Chí T, chị Nguyễn Thị Ngọc O phải chịu 8.000.000đ (tám triệu đồng) chi phí tố tụng. Do nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đã đóng tạm ứng nên buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Trần Chí T, chị Nguyễn Thị Ngọc O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên cần chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 4, 99, 100, 103 và 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Các điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N đối với bị đơn anh Trần Chí T, chị Nguyễn Thị Ngọc O về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc O và anh Trần Chí T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N tính đến hết ngày 27 tháng 9 năm 2024 với tổng số tiền 6.459.059.815đ (sáu tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn tám trăm mười lăm đồng) (trong đó: Số tiền gốc: 4.899.966.600 đồng; Lãi trong hạn: 209.248.220 đồng; Lãi quá hạn vốn: 1.192.267.608 đồng; Tiền thế tín dụng: 157.577.387 đồng).

Kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2024 cho đến khi thi hành xong số tiền trên, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc O và anh Trần Chí T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của các Hợp đồng tín dụng nêu trên đã được ký kết giữa các bên.

Tài sản bảo đảm thi hành án là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 078820, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H00289, do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005, cập nhật biến động ngày 15 tháng 12 năm 2020 cho anh Trần Chí T và chị Nguyễn Thị Ngọc O. Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0341/2020/706-BĐ ký ngày 16 tháng 12 năm 2020, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 16 tháng 12 năm 2020.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Trần Chí T, chị Nguyễn Thị Ngọc O phải chịu 8.000.000đ (tám triệu đồng) chi phí tố tụng. Do nguyên đơn Ngân

hàng Thương mại Cổ phần N đã đóng tạm ứng nên buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

3. Về án phí: Anh Trần Chí T, chị Nguyễn Thị Ngọc O phải chịu 114.459.060đ (một trăm mười bốn triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn không trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền 56.910.464đ (năm mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003218 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Thành phố Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Bảo